

LƯU THU THỦY

MODULE TH

39

**GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG
CHO HỌC SINH TIỂU HỌC
QUA CÁC MÔN HỌC**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Chương trình hành động Dakar về Giáo dục cho mọi người (Senegal-2000) đã đặt ra trách nhiệm cho mỗi quốc gia phải đảm bảo cho người học được tiếp cận với chương trình giáo dục kỹ năng sống (KNS) phù hợp và KNS cần được coi như một nội dung của chất lượng giáo dục. Nhiều nước trên thế giới đã đưa nội dung giáo dục KNS vào dạy cho học sinh (HS) trong các trường phổ thông, dưới nhiều hình thức khác nhau. Theo thông tin từ UNICEF, tính đến năm 2009 đã có hơn 150 quốc gia trên thế giới quan tâm đến việc đưa KNS vào nhà trường, trong đó có 143 nước đã đưa KNS vào chương trình chính khóa ở tiểu học và trung học. Việc giáo dục KNS cho HS ở các nước được thực hiện theo nhiều hình thức:

- KNS là một môn học riêng biệt.
- KNS được tích hợp vào một vài môn học chính.
- KNS được tích hợp vào nhiều hoặc tất cả các môn học trong chương trình.

Tuy nhiên, chỉ có một số không đáng kể các nước đưa KNS thành một môn học riêng biệt, ví dụ như: Malawi, Campuchia... Còn đa số các nước, để tránh sự quá tải trong nhà trường, thường tích hợp KNS vào nội dung các môn học, chủ yếu là các môn khoa học xã hội như: giáo dục sức khỏe, giáo dục giới tính, giáo dục tôn giáo, giáo dục đạo đức, giáo dục quyền con người, giáo dục môi trường...

Ở Việt Nam, để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện thế hệ trẻ, đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nhu cầu phát triển của người học, giáo dục phổ thông cũng đã và đang được đổi mới mạnh mẽ theo bốn trụ cột của giáo dục thế kỷ XXI, mà thực chất là cách tiếp cận KNS, đó là: Học để biết, học để làm, học để tự khẳng định mình và học để cùng chung sống. Rèn luyện KNS cho HS cũng đã được xác định là một trong những nội dung cơ bản của Phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” trong các trường phổ thông, giai đoạn 2008 – 2013. Đặc biệt, theo chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, việc giáo dục KNS cho HS qua các môn học và hoạt động giáo dục đang bước đầu được triển khai trong các nhà trường phổ thông, từ tiểu học đến trung học phổ thông. Vậy KNS là gì? Bản chất của việc giáo dục KNS qua các môn học là gì? Mục tiêu, nội dung và cách thức thực hiện giáo dục KNS cho HS tiểu học qua các môn học như thế nào? Người giáo viên (GV) tiểu học cần phải thực hiện nhiệm vụ này như thế nào để đảm bảo chất lượng và hiệu

quả?... Những vấn đề này sẽ được hướng dẫn cho GV tiểu học tìm hiểu thông qua các nội dung và hoạt động cụ thể trong Module *Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học qua các môn học*.

Giới thiệu Module

Module tự học này được thực hiện trong 15 tiết, gồm 12 tiết tự học và 3 tiết học tập trung (2 tiết lí thuyết và 1 tiết thực hành). Module gồm ba nội dung chính, đó là:

TT	Tên nội dung	Số tiết
1	Một số vấn đề chung về kĩ năng sống và giáo dục kĩ năng sống qua các môn học ở tiểu học	5
2	Nội dung và phương pháp giáo dục kĩ năng sống qua các môn học ở tiểu học	6
3	Nội dung và địa chỉ giáo dục kĩ năng sống cho học sinh qua một số môn học cụ thể ở tiểu học	4



B. MỤC TIÊU

I. MỤC TIÊU CHUNG

Module này giúp GV tiểu học tự tìm hiểu và chiếm lĩnh những kiến thức và kĩ năng cơ bản, cần thiết về giáo dục KNS cho HS tiểu học qua các môn học. Từ đó giúp họ có thể thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giáo dục này.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Học xong module này, học viên (HV) có khả năng:

1. Về kiến thức

- Trình bày được bản chất KNS và tầm quan trọng của việc giáo dục KNS cho HS tiểu học qua các môn học.
- Nhận biết được các biểu hiện chủ yếu của một số KNS cơ bản.
- Trình bày được nội dung giáo dục KNS cho HS tiểu học qua một số môn học.

2. Về kĩ năng

- Xác định được một số phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng để giáo dục KNS cho HS qua một số môn học ở tiểu học.

3. Về thái độ

- Đồng tình, ủng hộ việc giáo dục KNS cho HS nói chung và HS tiểu học nói riêng.
- Nghiêm túc thực hiện việc giáo dục KNS cho HS tiểu học qua một số môn học.



C. NỘI DUNG

Nội dung 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KĨ NĂNG SỐNG VÀ GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG QUA CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC

1. THÔNG TIN NGUỒN CHO NỘI DUNG 1

Đọc các mục I, II, III và tiểu mục 1, 2 của mục IV phần thứ nhất – *Một số vấn đề chung về kĩ năng sống và giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong nhà trường phổ thông*, Tài liệu Giáo dục KNS trong các môn học ở tiểu học, lớp 1/ lớp 2/ lớp 3/ lớp 4/ lớp 5, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.

2. CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm KNS.

- Đọc mục 1.1 trong phần thông tin nguồn và tìm hiểu các quan niệm khác nhau về KNS.
- Trả lời các câu hỏi sau:
 - + Theo bạn, KNS là gì?
 - + KNS do bẩm sinh mà có hay được hình thành như thế nào?
- Chia sẻ ý kiến của bạn với bạn bè, đồng nghiệp trong trường.

Hoạt động 2: Tìm hiểu tầm quan trọng của việc giáo dục KNS cho HS tiểu học.

- Đọc mục 1.2 trong phần thông tin nguồn.
- Trả lời các câu hỏi sau:
 - + Vì sao lại cần phải giáo dục KNS cho HS tiểu học?
 - + Điều gì có thể xảy ra nếu HS tiểu học thiếu KNS?
- Thảo luận với bạn bè, đồng nghiệp về các câu hỏi trên.

Hoạt động 3: Tìm hiểu về mục tiêu, nguyên tắc giáo dục KNS cho HS.

- Đọc mục 1.3, 1.4 trong phần thông tin nguồn.
- Trả lời các câu hỏi sau:
 - + Mục tiêu giáo dục KNS cho HS phổ thông nói chung và cho HS tiểu học nói riêng là gì?

- + Việc giáo dục KNS cho HS cần tuân theo những nguyên tắc nào?
- + Trong quá trình giáo dục KNS cho HS, bạn đã thực hiện đúng các nguyên tắc đó chưa? Nếu chưa thì vì sao?

3. PHẢN HỒI CHO CÁC HOẠT ĐỘNG

a. Phản hồi cho hoạt động 1

- * Có nhiều quan niệm khác nhau về KNS. Ví dụ:
 - Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), KNS là khả năng để có hành vi thích ứng (adaptive) và tích cực (positive), giúp các cá nhân có thể ứng xử hiệu quả trước các nhu cầu và thách thức của cuộc sống hằng ngày.
 - Theo Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), KNS là cách tiếp cận giúp thay đổi hoặc hình thành hành vi mới. Cách tiếp cận này lưu ý đến sự cân bằng về tiếp thu kiến thức, hình thành thái độ và kĩ năng.
 - Theo Tổ chức Văn hoá, Khoa học và Giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO), KNS gắn với 4 trụ cột của giáo dục, đó là: *Học để biết* (Learning to know) gồm các kĩ năng tư duy như: tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, ra quyết định, giải quyết vấn đề, nhận thức được hậu quả...; *Học làm người* (Learning to be) gồm các kĩ năng cá nhân như: ứng phó với căng thẳng, kiểm soát cảm xúc, tự nhận thức, tự tin...; *Học để sống với người khác* (Learning to live together) gồm các kĩ năng xã hội như: giao tiếp, thương lượng, tự khẳng định, hợp tác, làm việc theo nhóm, thể hiện sự cảm thông; *Học để làm* (Learning to do) gồm kĩ năng thực hiện công việc và các nhiệm vụ như: kĩ năng đặt mục tiêu, đảm nhận trách nhiệm...
 - Hoặc có người quan niệm rằng KNS là những năng lực giúp con người có thể sống một cuộc sống an toàn, khoẻ mạnh và có chất lượng.
 - ...
- Tóm lại, mặc dù có nhiều quan niệm khác nhau nhưng có thể nói bản chất của KNS là kĩ năng tự quản bản thân và các kĩ năng xã hội cần thiết để cá nhân tự lực trong cuộc sống, học tập và làm việc hiệu quả. Nói cách khác, KNS là năng lực làm chủ bản thân của mỗi người, năng lực ứng xử phù hợp với những người khác, với xã hội và năng lực ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống.
- * KNS không phải tự nhiên, sinh ra đã có mà được hình thành và phát triển trong cuộc sống thực tiễn, thông qua các hoạt động học tập, rèn luyện, lĩnh hội của mỗi cá nhân.

b. Phản hồi cho hoạt động 2

* Việc giáo dục KNS cho HS tiểu học là rất cần thiết vì:

– KNS góp phần thúc đẩy sự phát triển cá nhân:

Thực tế cho thấy, có khoảng cách giữa nhận thức và hành vi của con người. Người ta có thể nhận thức đúng nhưng chưa chắc đã có hành vi đúng. Có thể nói KNS chính là những nhịp cầu giúp con người biến kiến thức thành thái độ, hành vi và thói quen tích cực, lành mạnh. Người có KNS sẽ luôn vững vàng trước những khó khăn, thử thách; biết ứng xử, giải quyết những vấn đề trong cuộc sống một cách tích cực và phù hợp; họ thường thành công hơn trong cuộc sống, luôn yêu đời và làm chủ cuộc sống của chính mình. Ngược lại, người thiếu KNS thường bị vấp vấp, dễ bị thất bại trong cuộc sống.

– KNS góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội:

KNS góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống xã hội; làm giảm thiểu các tệ nạn xã hội và hành vi phạm pháp; giúp xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người trong xã hội; đồng thời góp phần thúc đẩy năng suất lao động xã hội do dựa trên tinh thần lao động có trách nhiệm, có kế hoạch, sáng tạo và hợp tác của các cá nhân;...

– Lứa tuổi HS tiểu học là lứa tuổi hồn nhiên, vô tư, trong sáng, thích tìm tòi, khám phá cái mới, hay bắt chước, đặc biệt là bắt chước những người mà các em yêu quý, thần tượng như các thầy cô giáo, anh chị phụ trách. Việc hình thành các kĩ năng, hành vi và thói quen tích cực cho các em ở lứa tuổi này dễ dàng, thuận lợi hơn nhiều so với cho HS ở các cấp học trên. Tuy nhiên, ở lứa tuổi này, các em còn non nớt, thiếu nhiều kinh nghiệm sống nên rất dễ bị lạm dụng, bị tổn thương, bị tai nạn thương tích, bị lôi kéo vào các hành vi có hại cho sự phát triển thể chất và tinh thần của các em. Do vậy, việc giáo dục KNS cho HS tiểu học là rất cần thiết và có tầm quan trọng đặc biệt.

– Mục tiêu giáo dục phổ thông của Việt Nam đã chuyển từ mục tiêu cung cấp kiến thức là chủ yếu sang hình thành và phát triển những năng lực cần thiết ở người học để đáp ứng sự phát triển và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Mục tiêu giáo dục của Việt Nam thể hiện mục tiêu giáo dục của thế kỉ XXI: Học để biết, học để làm, học để tự khẳng định mình và học để cùng chung sống (Delor, 1996). Vì vậy, việc giáo dục KNS cho HS tiểu học nói riêng và HS phổ thông nói chung chính là nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông, phù hợp với định hướng đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục phổ thông.

- * HS tiểu học còn rất non nớt về kinh nghiệm sống, KNS. Nếu không được giáo dục KNS, các em sẽ thiếu mạnh dạn, tự tin (hoặc hiếu thắng); dễ bị vấp vấp trong quan hệ với bạn bè và những người xung quanh; không biết tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ của những người tin cậy khi gặp khó khăn; thiếu khả năng phân tích, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, thường khô khan, lúng túng, có thể sai lầm trong việc ra quyết định và giải quyết vấn đề; thiếu khả năng tự bảo vệ, do đó các em có thể sẽ bị lạm dụng, bị tổn thương, bị tai nạn thương tích, dễ bị lôi kéo vào các hành vi có hại cho sự phát triển thể chất và tinh thần của các em...

c. Phản hồi cho hoạt động 3

- *Mục tiêu giáo dục KNS cho HS phổ thông:*
 - + Trang bị cho HS những kiến thức, giá trị, thái độ và kĩ năng phù hợp. Trên cơ sở đó hình thành cho HS những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực; đồng thời loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống và hoạt động hằng ngày.
 - + Tạo cơ hội thuận lợi để HS thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình và phát triển hài hoà về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức.
- *Mục tiêu giáo dục KNS cho HS tiểu học:*
 - + Trang bị cho HS một số KNS cần thiết, phù hợp với lứa tuổi, trong đó có chú ý đến tính đặc thù về điều kiện địa lí, kinh tế và văn hoá của vùng, miền, dân tộc.
 - + Trên cơ sở đó hình thành cho HS những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực; đồng thời loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống và hoạt động hằng ngày.
 - + Tạo cơ hội thuận lợi để HS thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình và phát triển hài hoà về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức.
- *Nguyên tắc giáo dục KNS cho HS:*
 - + Tương tác: KNS không thể được hình thành chỉ qua việc nghe giảng và tự đọc tài liệu mà phải thông qua các hoạt động tương tác với người khác. Việc nghe giảng và tự đọc tài liệu chỉ giúp HS thay đổi nhận thức về một vấn đề nào đó. Nhiều KNS được hình thành trong quá trình HS tương tác với bạn cùng học và những người xung quanh (kĩ năng thương lượng, kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng tư duy phê phán, kĩ năng hợp tác, kĩ năng tự nhận thức...) thông qua hoạt động học tập hoặc các hoạt động xã hội trong nhà trường. Trong khi tham gia các hoạt động có tính tương tác,

HS có dịp thể hiện các ý tưởng của mình, xem xét ý tưởng của người khác, được đánh giá và xem xét lại những kinh nghiệm sống của mình trước đây theo một cách nhìn nhận khác. Vì vậy, việc tổ chức các hoạt động có tính chất tương tác cao trong nhà trường tạo cơ hội quan trọng để giáo dục KNS hiệu quả.

- + **Trải nghiệm:** KNS chỉ được hình thành khi người học được trải nghiệm qua các tình huống thực tế. HS chỉ có kĩ năng khi các em tự làm việc đó, chứ không chỉ nói về việc đó. Kinh nghiệm tích lũy được khi HS được hành động trong các tình huống đa dạng sẽ giúp các em dễ dàng sử dụng và điều chỉnh các kĩ năng phù hợp với điều kiện thực tế.

Do vậy, GV cần thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động trong và ngoài giờ học sao cho HS có cơ hội thể hiện ý tưởng cá nhân, tự trải nghiệm và biết phân tích kinh nghiệm sống của chính mình và người khác.

- + **Tiến trình:** Giáo dục KNS không thể hình thành trong “ngày một, ngày hai” mà đòi hỏi phải có cả quá trình: từ thay đổi nhận thức đến hình thành thái độ và cuối cùng là thay đổi hành vi. Đây là một quá trình mà mỗi yếu tố có thể là khởi đầu của một chu trình mới. Do đó, nhà giáo dục có thể tác động lên bất kì mắt xích nào trong chu trình trên: thay đổi thái độ dẫn đến mong muốn thay đổi nhận thức và hành vi hoặc hành vi thay đổi tạo nên sự thay đổi nhận thức và thái độ.
- + **Thay đổi hành vi:** Mục đích cuối cùng của giáo dục KNS là giúp người học thay đổi hành vi theo hướng tích cực. Giáo dục KNS thúc đẩy người học thay đổi hay định hướng lại các giá trị, thái độ và hành động của mình. Thay đổi hành vi, thái độ và giá trị ở từng con người là một quá trình khó khăn và diễn ra không đồng thời. Có thời điểm người học lại quay trở lại những thái độ, hành vi hoặc giá trị trước. Do đó, các nhà giáo dục cần kiên trì chờ đợi và tổ chức các hoạt động liên tục để HS duy trì hành vi mới và có thói quen mới; tạo động lực cho HS điều chỉnh hoặc thay đổi giá trị, thái độ và những hành vi trước đây, thích nghi hoặc chấp nhận các giá trị, thái độ và hành vi mới. GV không nhất thiết phải luôn luôn tóm tắt bài “học” HS, mà cần tạo điều kiện cho HS tự tóm tắt những ghi nhận cho bản thân sau mỗi giờ học/phần học.
- + **Thời gian – môi trường giáo dục:** Giáo dục KNS cần thực hiện ở mọi nơi, mọi lúc và thực hiện càng sớm càng tốt đối với trẻ em. Môi trường giáo dục được tổ chức nhằm tạo cơ hội cho HS áp dụng kiến thức và kĩ năng vào các tình huống “thực” trong cuộc sống.

Giáo dục KNS được thực hiện trong gia đình, trong nhà trường và cộng đồng. Người tổ chức giáo dục KNS có thể là bố mẹ, là thầy cô, là bạn cùng học hay các thành viên cộng đồng. Trong nhà trường phổ thông, giáo dục KNS được thực hiện trên các giờ học, trong các hoạt động lao động, hoạt động đoàn thể – xã hội, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và các hoạt động giáo dục khác.

4. ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 1

- Vì sao nói KNS góp phần phát triển cá nhân? Hãy tìm ví dụ thực tế về một người có hoặc không có một KNS nào đó (ví dụ kĩ năng giao tiếp, kĩ năng tự nhận thức, kĩ năng giải quyết mâu thuẫn, kĩ năng ứng phó với căng thẳng..) và ảnh hưởng của việc có hoặc không có KNS đó đối với cuộc sống của bản thân người đó cũng như đối với mọi người xung quanh.
- Vì sao KNS lại góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội?
- HS lớp /trường bạn dạy hiện nay thường thiếu KNS nào? Biểu hiện cụ thể như thế nào?

Nội dung 2

NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG QUA CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC

1. THÔNG TIN NGUỒN CHO NỘI DUNG 2

Đọc các tiểu mục 3 và 4 của mục IV trong phần thứ nhất – Một số vấn đề chung về kĩ năng sống và giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong nhà trường phổ thông, Tài liệu Giáo dục KNS trong các môn học ở tiểu học, lớp 1/ lớp 2/ lớp 3/ lớp 4/ lớp 5, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.

2. CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu về nội dung giáo dục KNS.

- Đọc tiểu mục 3 trong Mục IV của phần thông tin nguồn.
- Nội dung giáo dục KNS cho HS tiểu học bao gồm những kĩ năng cụ thể nào?
- Hãy phân tích bản chất, các biểu hiện và ý nghĩa của các KNS cơ bản đối với cuộc sống của mỗi cá nhân và xã hội.

Hoạt động 2: Tìm hiểu phương pháp giáo dục KNS qua các môn học.

- Đọc tiểu mục 4 của mục IV trong phần thông tin nguồn.
- Cách tiếp cận giáo dục KNS qua các môn học hiện nay là gì?
- Cách tiếp cận này có ảnh hưởng như thế nào đến việc dạy học các môn học? Vì sao?
- Theo bạn, với cách tiếp cận này thì những môn học nào ở tiểu học có khả năng giáo dục KNS cho HS?
- Hãy trình bày cách tiến hành một số phương pháp dạy học (PPDH), kĩ thuật dạy học (KTDH) tích cực và khả năng giáo dục, rèn luyện các KNS cho HS của những phương pháp và KTDH này.

3. PHẢN HỒI CHO CÁC HOẠT ĐỘNG

a. Phản hồi cho hoạt động 1

- Nội dung giáo dục KNS cho HS tiểu học tập trung vào một số KNS cơ bản, mang tính tâm lí – xã hội, ở mức độ phù hợp với lứa tuổi. Cụ thể là: kĩ năng tự nhận thức, kĩ năng xác định giá trị, kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kĩ năng ứng phó với căng thẳng, kĩ năng kiểm soát cảm xúc, kĩ năng giao tiếp, kĩ năng lắng nghe tích cực, kĩ năng kiên định, kĩ năng đặt mục tiêu, kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, kĩ năng quản lí thời gian, kĩ năng hợp tác...
- Bản chất, ý nghĩa một số KNS:

+ *Kĩ năng tự nhận thức:*

Kĩ năng tự nhận thức là khả năng của con người hiểu về chính bản thân mình, như cơ thể, tư tưởng, và mối quan hệ xã hội của bản thân; biết nhìn nhận, đánh giá đúng về tiềm năng, tình cảm, sở thích, thói quen, điểm mạnh, điểm yếu... của bản thân mình; quan tâm và luôn ý thức được mình đang làm gì, kể cả nhận ra lúc chúng ta đang cảm thấy căng thẳng.

Tự nhận thức là một KNS rất cơ bản của con người, là nền tảng để giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả với người khác cũng như để có thể có được sự cảm thông với người khác. Ngoài ra, có hiểu đúng về mình mới có thể có những quyết định, những sự lựa chọn đúng đắn, phù hợp với khả năng của bản thân, với điều kiện thực tế và yêu cầu xã hội. Đánh giá không đúng về bản thân có thể dẫn con người đến những hạn chế, sai lầm, thất bại trong cuộc sống và trong giao tiếp với người khác.

+ *Kĩ năng xác định giá trị:*

Giá trị là những gì con người cho là quan trọng, là có ý nghĩa đối với bản thân mình, có tác dụng định hướng cho suy nghĩ, hành động và lối sống của bản thân trong cuộc sống.

Mỗi người đều có một hệ thống giá trị riêng. Kĩ năng xác định giá trị là khả năng con người hiểu rõ được những giá trị của bản thân mình. Khả năng này giúp người ta biết tôn trọng người khác và biết chấp nhận rằng người khác có những giá trị và niềm tin khác.

Kĩ năng xác định giá trị có ảnh hưởng lớn đến quá trình ra quyết định của mỗi người.

+ *Kĩ năng kiểm soát cảm xúc:*

Kĩ năng kiểm soát cảm xúc là khả năng con người nhận thức rõ cảm xúc của mình trong một tình huống nào đó và hiểu được ảnh hưởng của cảm xúc đến chính mình và người khác như thế nào, đồng thời biết cách kiểm chế và thể hiện cảm xúc một cách phù hợp.

Kĩ năng kiểm soát cảm xúc cần kết hợp với kĩ năng tự nhận thức, ứng xử với người khác và ứng phó với căng thẳng, đồng thời góp phần củng cố các kĩ năng này. Biết kiểm soát cảm xúc cũng sẽ góp phần giải quyết mâu thuẫn một cách hài hoà hơn.

+ *Kĩ năng ứng phó với căng thẳng:*

Kĩ năng ứng phó với căng thẳng là khả năng con người bình tĩnh, sẵn sàng đón nhận những tình huống căng thẳng như là một phần tất yếu của cuộc sống, là khả năng nhận biết sự căng thẳng, hiểu được nguyên nhân, hậu quả của căng thẳng, cũng như biết cách suy nghĩ và ứng phó một cách tích cực khi bị căng thẳng.

Chúng ta cũng có thể hạn chế những tình huống căng thẳng bằng cách sống và làm việc điều độ, có kế hoạch, thường xuyên luyện tập thể dục thể thao, sống vui vẻ, chan hoà, tránh gây mâu thuẫn không cần thiết với mọi người xung quanh, không đặt ra cho mình những mục tiêu quá cao so với điều kiện và khả năng của bản thân...

Kĩ năng ứng phó với căng thẳng rất quan trọng, giúp cho con người:

- Biết suy nghĩ và ứng phó một cách tích cực khi căng thẳng.
- Duy trì được trạng thái cân bằng trong suy nghĩ, không làm tổn hại sức khoẻ thể chất và tinh thần của bản thân.

- Xây dựng được những mối quan hệ tốt đẹp, không làm ảnh hưởng đến người xung quanh.

Kĩ năng ứng phó với căng thẳng có được nhờ sự kết hợp của các KNS khác như: kĩ năng tự nhận thức, kĩ năng xử lí cảm xúc, kĩ năng giao tiếp, tư duy sáng tạo, kĩ năng tìm kiếm sự giúp đỡ và kĩ năng giải quyết vấn đề.

+ *Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ:*

Trong cuộc sống, nhiều khi chúng ta gặp những khó khăn phải cần đến sự hỗ trợ, giúp đỡ của những người khác. Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ là khả năng con người ý thức được nhu cầu cần giúp đỡ, biết xác định được những địa chỉ hỗ trợ đáng tin cậy, tự tin và biết tìm đến các địa chỉ đó để nhờ hỗ trợ, giúp đỡ khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ giúp chúng ta có thể nhận được những lời khuyên để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của mình; đồng thời là cơ hội để chúng ta chia sẻ, giải bày khó khăn, giảm bớt được căng thẳng tâm lí do bị dồn nén cảm xúc. Biết tìm kiếm sự giúp đỡ kịp thời sẽ giúp cá nhân không cảm thấy đơn độc, bi quan, và trong nhiều trường hợp, giúp chúng ta những cách nhìn mới và hướng đi mới.

Khi tìm đến các địa chỉ hỗ trợ, chúng ta cần:

- Tỏ ra lễ phép nhưng tự tin.
- Nói năng rõ ràng, từ tốn, cố gắng bày tỏ hết các vấn đề khó khăn hiện tại của mình.
- Giữ bình tĩnh nếu gặp sự đối xử thiếu thiện chí. Nếu vẫn cần sự hỗ trợ của người thiếu thiện chí, cố gắng tỏ ra bình thường, kiên nhẫn nhưng không sợ hãi.
- Nếu bị cự tuyệt, đừng nản chí, hãy kiên trì tìm sự hỗ trợ từ các địa chỉ khác, người khác.

+ *Kĩ năng tự trọng:*

Kĩ năng tự trọng là có niềm tin vào bản thân; tự hài lòng với bản thân; tự tin rằng mình có thể trở thành một hình mẫu tích cực, có mong đợi và tiềm năng về tương lai, cảm thấy có nghị lực để hoàn thành các nhiệm vụ.

Kĩ năng tự trọng là yếu tố cần thiết trong giao tiếp, ra quyết định, đảm nhận trách nhiệm.

+ *Kĩ năng giao tiếp:*

Kĩ năng giao tiếp là khả năng con người có thể bày tỏ ý kiến của bản thân theo hình thức nói, viết hoặc sử dụng ngôn ngữ cơ thể một cách phù hợp

với hoàn cảnh và văn hoá, đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của người khác ngay cả khi bất đồng quan điểm. Bày tỏ ý kiến bao gồm cả bày tỏ về nhu cầu, mong muốn và cả nỗi lo sợ, đồng thời nhờ sự giúp đỡ và sự tư vấn khi cần.

Kĩ năng giao tiếp giúp con người biết đánh giá tình huống giao tiếp và điều chỉnh cách giao tiếp một cách phù hợp, hiệu quả; cởi mở bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc nhưng không làm hại hay gây tổn thương cho người khác.

+ *Kĩ năng lắng nghe tích cực:*

Lắng nghe tích cực là một phần quan trọng của kĩ năng giao tiếp. Người có kĩ năng lắng nghe tích cực biết thể hiện sự tập trung chú ý và thể hiện (qua cử chỉ không lời) sự quan tâm lắng nghe ý kiến hoặc phần trình bày của người khác, biết cho ý kiến phản hồi mà không vội chỉ trích, đánh giá, đồng thời có đối đáp hợp lí trong quá trình giao tiếp.

+ *Kĩ năng thể hiện sự cảm thông:*

Thể hiện sự cảm thông là khả năng có thể hình dung và đặt mình trong hoàn cảnh của người khác, giúp chúng ta hiểu và chấp nhận người khác vốn là những người rất khác mình, qua đó chúng ta có thể hiểu rõ cảm xúc và tình cảm của người khác và cảm thông với hoàn cảnh hoặc nhu cầu của họ.

Kĩ năng này có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường hiệu quả giao tiếp và ứng xử với người khác; cải thiện các mối quan hệ giao tiếp xã hội, đặc biệt trong bối cảnh xã hội đa văn hoá, đa sắc tộc. Kĩ năng thể hiện sự cảm thông cũng giúp khuyến khích thái độ quan tâm và hành vi thân thiện, gần gũi với người cần sự giúp đỡ.

Kĩ năng thể hiện sự cảm thông được dựa trên kĩ năng tự nhận thức và kĩ năng xác định.

+ *Kĩ năng thương lượng:*

Kĩ năng thương lượng bao gồm nhiều yếu tố của kĩ năng giao tiếp như: lắng nghe, trình bày suy nghĩ, phân tích và giải thích đồng thời có thảo luận để đạt được một sự thống nhất. Thương lượng có liên quan đến kĩ năng thể hiện sự tự tin, kiên định, tư duy sáng tạo và kĩ năng hợp tác.

Thương lượng là một phần quan trọng của giải quyết vấn đề và giải quyết mâu thuẫn. Một người có kĩ năng thương lượng tốt sẽ giúp giải quyết vấn đề hiệu quả, và giải quyết mâu thuẫn theo cách xây dựng và có lợi cho các thành viên.

+ *Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn:*

Mâu thuẫn là những xung đột, tranh cãi, bất đồng, bất bình với một hay nhiều người về một vấn đề nào đó.

Mâu thuẫn trong cuộc sống hết sức đa dạng và thường bắt nguồn từ sự khác nhau về quan điểm, chính kiến, lối sống, tín ngưỡng, tôn giáo, văn hoá... Mâu thuẫn thường có ảnh hưởng tiêu cực tới những mối quan hệ của các bên.

Có nhiều cách giải quyết mâu thuẫn. Mỗi người sẽ có cách giải quyết mâu thuẫn riêng tùy thuộc vào vốn hiểu biết, quan niệm, văn hoá và cách ứng xử cũng như khả năng phân tích tìm hiểu nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn.

Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn là khả năng con người nhận thức được nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn và giải quyết những mâu thuẫn đó với thái độ tích cực, không dùng bạo lực, thoả mãn được nhu cầu và quyền lợi các bên và giải quyết cả mối quan hệ giữa các bên một cách hoà bình.

Yêu cầu trước hết của kĩ năng giải quyết mâu thuẫn là phải luôn kiềm chế cảm xúc, tránh bị kích động, nóng vội, giữ bình tĩnh trước mọi sự việc để tìm ra nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn cũng như tìm ra cách giải quyết tốt nhất.

Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn là một dạng đặc biệt của kĩ năng giải quyết vấn đề. Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn cần được sử dụng kết hợp với nhiều kĩ năng liên quan khác như: kĩ năng giao tiếp, kĩ năng tự nhận thức, kĩ năng tư duy phê phán, kĩ năng ra quyết định...

Có thể thực hiện giải quyết mâu thuẫn như sau:

- Kiểm chế cảm xúc: Sử dụng các kĩ năng thư giãn, tự đưa mình ra khỏi tâm trạng/ tình huống đó.
- Xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn: Ai là người gây ra mâu thuẫn hoặc phải chịu trách nhiệm? Tìm kiếm thông tin để có thể phân tích vấn đề một cách khách quan. Cần suy nghĩ tích cực, vì nó có tác động mạnh đến cảm xúc và hành vi tích cực. Nếu cần, nên tách khỏi người có mâu thuẫn với mình một thời gian để suy nghĩ và tìm cách giải quyết mâu thuẫn đó.
- Hỏi người có mâu thuẫn với mình có thời gian để ngồi cùng nói chuyện về mâu thuẫn đó không.
- Hãy nói với họ về cảm xúc của mình và giải thích vì sao mình lại có cảm xúc như vậy.

- Hãy kiên nhẫn lắng nghe câu trả lời của người đó.
- Hãy cùng nhau thảo luận về các cách giải quyết mâu thuẫn.
- Tiếp tục thảo luận một cách bình tĩnh.
- Nếu mâu thuẫn vẫn không giải quyết được và bạn đã quá tức giận rồi thì hãy nói với người đó rằng bạn cần ra ngoài và hẹn sẽ cùng nói chuyện về vấn đề này sau.

+ *Kĩ năng hợp tác:*

Kĩ năng hợp tác là khả năng cá nhân biết chia sẻ trách nhiệm, biết cam kết và cùng làm việc có hiệu quả với những thành viên khác trong nhóm.

Mỗi người đều có những điểm mạnh và hạn chế riêng. Sự hợp tác trong công việc giúp mọi người hỗ trợ, bổ sung cho nhau, tạo nên sức mạnh trí tuệ, tinh thần và thể chất, vượt qua khó khăn, đem lại chất lượng và hiệu quả cao hơn cho công việc chung. Kĩ năng hợp tác còn giúp cá nhân sống hài hoà và tránh xung đột trong quan hệ với người khác.

Để có được sự hợp tác hiệu quả, chúng ta cần vận dụng tốt nhiều KNS khác như: tự nhận thức, xác định giá trị, giao tiếp, thể hiện sự cảm thông, đảm nhận trách nhiệm, ra quyết định, giải quyết mâu thuẫn, kiên định, ứng phó với căng thẳng...

Những yếu tố tạo nên thành công của sự hợp tác là:

- Có mục đích và mục tiêu hoạt động chung của nhóm.
- Có sự giao tiếp hiệu quả và hiểu biết lẫn nhau trong nhóm.
- Có khả năng thống nhất các ý kiến khác nhau để ra được quyết định hiệu quả.
- Lắng nghe, tôn trọng, xem xét quan điểm của tất cả thành viên và đạt được sự cam kết của tất cả thành viên trước những quyết định quan trọng.
- Huy động năng lực và sở trường của mọi thành viên trong nhóm.
- Không bị ảnh hưởng quá mức bởi bất kì một thành viên nào trong nhóm.
- Mọi cảm xúc, thái độ và ý tưởng công việc của các thành viên trong nhóm đều được quan tâm.
- Mọi người đều có trách nhiệm trước sự thành công hay thất bại của những sản phẩm do nhóm tạo ra.
- Khuyến khích và cho phép tất cả thành viên tham gia vào hoạt động chung.
- Mỗi thành viên đều phải gắn bó với nhiệm vụ chung song vẫn tôn trọng sự tự do cá nhân.

+ *Kĩ năng tư duy phê phán:*

Kĩ năng tư duy phê phán là khả năng phân tích một cách phê phán và khách quan các vấn đề, sự vật, hiện tượng... xảy ra. Để phân tích một cách có phê phán, con người cần:

- Thu thập thông tin về vấn đề, sự vật, hiện tượng đó từ nhiều nguồn khác nhau.
- Sắp xếp các thông tin thu thập được theo từng nội dung một cách hệ thống.
- Phân tích, so sánh, đối chiếu, lí giải các thông tin thu thập được, đặc biệt là các thông tin trái chiều.
- Xác định bản chất vấn đề, tình huống, sự vật, hiện tượng... là gì?
- Nhận định về những mặt tích cực, hạn chế của vấn đề, tình huống, sự vật, hiện tượng đó, xem xét một cách thấu đáo, sâu sắc và có hệ thống.

Kĩ năng tư duy phê phán rất cần thiết để con người có thể đưa ra được những quyết định, những hành động phù hợp. Nhất là trong xã hội hiện đại ngày nay, khi mà con người luôn phải đối mặt với nhiều vấn đề gay gắt của cuộc sống, luôn phải xử lí nhiều nguồn thông tin đa dạng, phức tạp... thì kĩ năng tư duy phê phán càng trở nên quan trọng đối với mỗi cá nhân.

Kĩ năng tư duy phê phán phụ thuộc vào hệ thống giá trị cá nhân. Khi phối hợp nhịp nhàng với kĩ năng tự nhận thức và kĩ năng xác định giá trị sẽ làm cho một người có được kĩ năng tư duy phê phán tốt.

+ *Kĩ năng tư duy sáng tạo:*

Tư duy sáng tạo là khả năng tiếp cận nhanh nhạy với các sự việc mới, phương thức mới, ý tưởng mới, cách sắp xếp và tổ chức mới; là khả năng phân biệt nhanh chóng các sự việc và kết nối mối quan hệ giữa chúng; ham học hỏi, nhiệt tình và thích thực hiện các nhiệm vụ mới khó khăn và phức tạp; độc lập trong suy nghĩ. Kĩ năng này giúp một người có tư duy năng động với nhiều sáng kiến và óc tưởng tượng; biết cách phán đoán và thích nghi, có tầm nhìn và khả năng suy nghĩ rộng hơn những người khác, không bị bó hẹp vào kinh nghiệm trực tiếp đang trải qua; tư duy minh mẫn và khác biệt.

Tư duy sáng tạo là KNS quan trọng bởi vì trong cuộc sống chúng ta thường xuyên bị đặt vào những hoàn cảnh bất ngờ hoặc ngẫu nhiên xảy ra. Khi gặp những hoàn cảnh như vậy đòi hỏi chúng ta phải có tư duy sáng tạo để có thể đáp ứng lại một cách linh hoạt và phù hợp. Khi một người kết hợp tốt kĩ năng tư duy phê phán và tư duy sáng tạo thì năng lực

tư duy của người ấy càng được tăng cường và sẽ giúp ích rất nhiều trong việc giải quyết vấn đề một cách thuận lợi và phù hợp nhất.

+ *Kĩ năng ra quyết định:*

Kĩ năng ra quyết định là khả năng của cá nhân biết quyết định lựa chọn phương án tối ưu để giải quyết vấn đề hoặc khó khăn gặp phải trong cuộc sống.

Mỗi cá nhân phải tự mình ra quyết định cho bản thân. Để đưa ra quyết định phù hợp, chúng ta cần:

- Xác định vấn đề hoặc tình huống mà chúng ta đang gặp phải.
- Thu thập thông tin về vấn đề hoặc tình huống đó.
- Liệt kê các cách giải quyết vấn đề / tình huống đã có.
- Hình dung đầy đủ về kết quả xảy ra nếu chúng ta lựa chọn mỗi phương án giải quyết, kể cả hành động hay không hành động.
- Xem xét về suy nghĩ và cảm xúc của bản thân nếu giải quyết theo phương án đó.
- So sánh các phương án để lựa chọn phương án tối ưu.

Kĩ năng ra quyết định rất cần thiết trong cuộc sống, giúp cho con người có được sự lựa chọn phù hợp và kịp thời, đem lại thành công trong cuộc sống. Ngược lại, nếu không có kĩ năng ra quyết định, con người ta có thể có những quyết định sai lầm hoặc chậm trễ, gây ảnh hưởng tiêu cực đến các mối quan hệ, đến công việc và tương lai cuộc sống của bản thân; đồng thời còn có thể làm ảnh hưởng đến gia đình, bạn bè và những người có liên quan.

Để ra được quyết định một cách phù hợp, cần phối hợp với những KNS khác như: kĩ năng tự nhận thức, kĩ năng xác định giá trị, kĩ năng thu thập thông tin, kĩ năng tư duy phê phán, kĩ năng tư duy sáng tạo...

Kĩ năng ra quyết định là khâu rất quan trọng của kĩ năng giải quyết vấn đề.

+ *Kĩ năng giải quyết vấn đề:*

Kĩ năng giải quyết vấn đề là khả năng của cá nhân biết quyết định lựa chọn phương án tối ưu và hành động theo phương án đã chọn để giải quyết vấn đề hoặc khó khăn gặp phải. Giải quyết vấn đề có liên quan tới kĩ năng ra quyết định và cần nhiều KNS khác như: giao tiếp, xác định giá trị, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, tìm kiếm sự hỗ trợ, kiên định...

Để giải quyết vấn đề có hiệu quả, chúng ta cần:

- Xác định rõ vấn đề hoặc tình huống đang gặp phải, kể cả tìm kiếm thêm thông tin cần thiết.
- Liệt kê các cách giải quyết vấn đề /tình huống đã có.
- Hình dung đầy đủ về kết quả xảy ra nếu ta lựa chọn phương án giải quyết nào đó.
- Xem xét về suy nghĩ và cảm xúc của bản thân nếu thực hiện phương án giải quyết đó.
- So sánh các phương án để đưa ra quyết định cuối cùng.
- Hành động theo quyết định đã lựa chọn.
- Kiểm định lại kết quả để rút kinh nghiệm cho những lần ra quyết định và giải quyết vấn đề sau.

+ *Kĩ năng kiên định:*

Kĩ năng kiên định là khả năng nhận thức rõ những gì mình muốn và lí do dẫn đến sự mong muốn đó. Kiên định còn là khả năng tiến hành các bước cần thiết để đạt được những gì mình muốn trong những hoàn cảnh cụ thể, dung hoà được giữa quyền và nhu cầu của mình với quyền và nhu cầu của người khác.

Kiên định khác với hiếu thắng (luôn chỉ nghĩ đến quyền và nhu cầu của bản thân và quên đi quyền và nhu cầu của người khác, luôn muốn mọi người phải phục tùng mình bất kể điều đó đúng hay sai), kiên định cũng khác với phục tùng (luôn phụ thuộc, bị động đến mức coi quyền và nhu cầu của người khác là trên hết, kể cả những việc làm sai trái mà quên cả quyền và nhu cầu của bản thân, mặc dù điều đó là hợp lí, chính đáng).

Thể hiện tính kiên định trong mọi hoàn cảnh là cần thiết song cần có cách thức khác nhau để thể hiện sự kiên định đối với từng đối tượng khác nhau.

Kĩ năng kiên định sẽ giúp chúng ta tự bảo vệ được chính kiến, quan điểm, thái độ và những quyết định của bản thân, đứng vững trước những áp lực tiêu cực của những người xung quanh. Ngược lại, nếu không có kĩ năng kiên định, con người sẽ bị mất tự chủ, bị xúc phạm, mất lòng tin, bản thân luôn bị người khác điều khiển, chi phối hoặc luôn cảm thấy tức giận và thất vọng.

Khi cần kiên định trước một tình huống/vấn đề, chúng ta cần nhận thức được cảm xúc của bản thân, sau đó phân tích và phê phán xác định hành vi của đối tượng, khẳng định ý muốn của bản thân bằng cách thể hiện thái độ, lời nói hoặc hành động. Trong trường hợp ý muốn bản thân

chưa được khẳng định, chúng ta nên quay lại phân tích tình huống và cảm xúc trước khi có những lời nói, hành động, thái độ đối với tình huống/vấn đề. Mọi lời nói, hành động và thái độ của chúng ta phải mang tính tích cực, mềm dẻo, linh hoạt và tự tin.

Kĩ năng kiên định có được nhờ kết hợp tốt với kĩ năng tự nhận thức, tự trọng và kĩ năng giao tiếp. Kĩ năng kiên định cũng giúp cá nhân có cách giải quyết vấn đề khi gặp phải trong cuộc sống hằng ngày.

+ *Kĩ năng đảm nhận trách nhiệm:*

Đảm nhận trách nhiệm là khả năng thể hiện sự tự tin, chủ động và ý thức trách nhiệm đồng chia sẻ công việc với các thành viên khác trong nhóm. Khi đảm nhận trách nhiệm, cần dựa trên những điểm mạnh, tiềm năng của bản thân, đồng thời tìm kiếm thêm sự giúp đỡ cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ. Khi các thành viên nhóm đảm trách các công việc khác nhau một cách kịp thời, sẽ tạo một không khí hợp tác tích cực và xây dựng giúp giải quyết vấn đề, đạt được mục tiêu của cả nhóm và tạo sự thoả mãn và thăng tiến cho mỗi thành viên.

Kĩ năng đảm nhận trách nhiệm có được nhờ kết hợp với kĩ năng tự nhận thức, kĩ năng hợp tác.

+ *Kĩ năng đặt mục tiêu:*

Mục tiêu là cái đích mà chúng ta muốn đạt tới, muốn thực hiện ở mỗi một giai đoạn trong cuộc đời hay ở một công việc nào đó. Mục tiêu có thể là sự hiểu biết (muốn biết về một cái gì đó), có thể là một hành vi (muốn làm được cái gì đó) hay có thể là một sự thay đổi về thái độ.

Kĩ năng đặt mục tiêu là khả năng của con người trong việc đề ra những mục tiêu cho bản thân trong cuộc sống cũng như lập kế hoạch để thực hiện được mục tiêu đó.

Kĩ năng đặt mục tiêu giúp chúng ta sống có mục đích, có kế hoạch và có khả năng thực hiện được mục tiêu của mình.

Muốn cho một mục tiêu có thể thực hiện và đạt được thì phải lưu ý đến những yêu cầu khi đặt mục tiêu:

- Một mục tiêu được đặt ra phải được thể hiện bằng những ngôn từ cụ thể. Mục tiêu đó cần trả lời được những câu hỏi như: Ai làm? Làm như thế nào? Sẽ thực hiện cái gì? Vào lúc nào?

Khi viết các mục tiêu tránh dùng các từ chung chung làm khó cho việc đánh giá kết quả thực hiện, tốt nhất là đề ra các việc cụ thể, có thể có thể đo đếm được.

- Mục tiêu đặt ra cần phải thực tế và có thể thực hiện được. Không nên đặt ra những mục tiêu quá khó với khả năng của mình và phải biết đề ra những bước cụ thể phải làm để thực hiện được mục tiêu. Ví dụ: Xác định xem cần phải đạt tới cái gì, thay đổi cái gì? Có cách gì để đạt tới mục tiêu đó? Khi thực hiện mục tiêu sẽ gặp những thuận lợi và khó khăn nào? Cần sự giúp đỡ gì? Ai là người có thể hỗ trợ, giúp đỡ? Những công việc cần làm để thực hiện được mục tiêu? Thời điểm hoàn thành mục tiêu?...

+ *Kĩ năng quản lí thời gian:*

Quản lí thời gian liên quan đến việc biết sắp xếp các ưu tiên, biết tập trung vào trọng tâm của việc mình đang muốn hoàn thành trong một thời gian nhất định. Kĩ năng này rất cần cho việc giải quyết vấn đề, lập kế hoạch, đặt mục tiêu và đạt được mục tiêu đó.

Quản lí thời gian là một trong những kĩ năng quan trọng trong nhóm kĩ năng về tự chủ bản thân. Quản lí thời gian tốt góp phần rất quan trọng vào sự thành công của cá nhân và của nhóm.

b. Phản hồi cho hoạt động 2

b1) Việc giáo dục KNS cho HS qua các môn học trong nhà trường phổ thông được thực hiện theo một cách tiếp cận mới, đó là sử dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực để tạo điều kiện, cơ hội cho HS được luyện tập, thực hành, trải nghiệm KNS trong quá trình học tập môn học; chứ không phải là lồng ghép, tích hợp thêm nội dung giáo dục KNS vào nội dung các môn học như cách giáo dục các vấn đề xã hội qua các môn học những năm trước đây.

Cách tiếp cận này được dựa trên mối quan hệ giữa các PPDH tích cực, các KTDH tích cực với việc rèn luyện KNS cho HS. Thực tế đã chứng minh rằng: Nếu GV sử dụng các PPDH và KTDH tích cực trong quá trình dạy học các môn học thì HS sẽ được rèn luyện nhiều KNS cần thiết.

Với cách tiếp cận này thì môn học nào cũng có khả năng giáo dục, rèn luyện KNS cho HS. Tuy nhiên, do đặc thù của mình nên mỗi môn học có thể có thế mạnh riêng trong việc giáo dục những KNS. Ví dụ như: môn Tiếng Việt có thể mạnh trong việc giáo dục kĩ năng giao tiếp; môn Đạo đức có thể mạnh trong việc giáo dục kĩ năng giao tiếp, kĩ năng cảm thông chia sẻ, kĩ năng hợp tác...

Cách tiếp cận này sẽ không hề làm nặng nề, quá tải thêm nội dung các môn học mà ngược lại, do sử dụng các phương pháp và KTDH tích cực, GV còn lôi cuốn được HS tham gia tích cực vào quá trình khám phá và

lĩnh hội tri thức; làm cho việc học tập các môn học trở nên hứng thú, hấp dẫn hơn, thiết thực và bổ ích hơn đối với HS.

b2) Một số phương pháp và KTDH tích cực:

1) *Phương pháp hợp tác theo nhóm:*

* Bản chất:

Phương pháp này còn được gọi bằng những tên khác nhau như: dạy học hợp tác, dạy học theo nhóm nhỏ, trong đó HS của một lớp học được chia thành các nhóm nhỏ, trong khoảng thời gian giới hạn, mỗi nhóm tự lực hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc. Kết quả làm việc của nhóm sau đó được trình bày và đánh giá trước toàn lớp.

Dạy học nhóm nếu được tổ chức tốt sẽ phát huy được tính tích cực, tính trách nhiệm; phát triển năng lực cộng tác làm việc và năng lực giao tiếp của HS.

* Quy trình thực hiện:

Tiến trình dạy học nhóm có thể được chia thành 3 giai đoạn cơ bản:

– *Làm việc toàn lớp:* Nhập đề và giao nhiệm vụ.

+ Giới thiệu chủ đề.

+ Xác định nhiệm vụ các nhóm.

+ Thành lập nhóm.

– *Làm việc nhóm:*

+ Chuẩn bị chỗ làm việc.

+ Lập kế hoạch làm việc.

+ Thoả thuận quy tắc làm việc.

+ Tiến hành giải quyết các nhiệm vụ.

+ Chuẩn bị báo cáo kết quả.

– *Làm việc toàn lớp:* Trình bày kết quả, đánh giá.

+ Các nhóm trình bày kết quả.

+ Đánh giá kết quả.

* Tác dụng: Có thể giáo dục cho HS các KNS như: hợp tác, tư duy phê phán, lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ, ý tưởng, quản lí thời gian, ra quyết định và giải quyết vấn đề.

2) Phương pháp giải quyết vấn đề:

- * **Bản chất:** Giải quyết vấn đề là xem xét, phân tích những vấn đề/tình huống cụ thể thường gặp phải trong đời sống hàng ngày và xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề/tình huống đó một cách có hiệu quả.
- * **Quy trình thực hiện:**
 - Xác định, nhận dạng vấn đề/tình huống.
 - Thu thập thông tin có liên quan đến vấn đề/tình huống đặt ra.
 - Liệt kê các cách giải quyết có thể có.
 - Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết (tích cực, hạn chế, cảm xúc, giá trị).
 - So sánh kết quả các cách giải quyết.
 - Lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất.
 - Thực hiện theo cách giải quyết đã lựa chọn.
 - Rút kinh nghiệm cho việc giải quyết những vấn đề, tình huống khác.
- * **Tác dụng:**

Giáo dục cho HS kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kĩ năng tư duy phê phán.

3) Phương pháp Đóng vai:

- * **Bản chất:** Đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được. Việc “diễn” không phải là phần chính của phương pháp này mà điều quan trọng là sự thảo luận sau phần diễn ấy.
- * **Quy trình thực hiện:**

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau:

 - Giáo viên nêu chủ đề, chia nhóm và giao tình huống, yêu cầu đóng vai cho từng nhóm. Trong đó có quy định rõ thời gian chuẩn bị, thời gian đóng vai của mỗi nhóm.
 - Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai.
 - Các nhóm lên đóng vai.
 - Lớp thảo luận, nhận xét về cách ứng xử và cảm xúc của các vai diễn; về ý nghĩa của các cách ứng xử.

- GV kết luận, định hướng cho HS về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã cho.
- * Tác dụng: Giáo dục cho HS kĩ năng giao tiếp, kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kĩ năng thương lượng, kĩ năng kiên định, kĩ năng kiểm soát cảm xúc...

4) Phương pháp trò chơi:

- * Bản chất: Phương pháp trò chơi là phương pháp tổ chức cho HS tìm hiểu một vấn đề hay thể nghiệm những hành động, những thái độ, những việc làm thông qua một trò chơi nào đó.
- * Quy trình thực hiện:
 - GV phổ biến tên trò chơi, nội dung và luật chơi cho HS.
 - Chơi thử (nếu cần thiết).
 - HS tiến hành chơi.
 - Đánh giá sau trò chơi.
 - Thảo luận về ý nghĩa giáo dục của trò chơi.
- * Tác dụng:

Giáo dục cho HS kĩ năng hợp tác, kĩ năng tư duy sáng tạo, tư duy phê phán...

5) Dạy học theo dự án (Phương pháp dự án):

- * Bản chất:

Dạy học theo dự án còn gọi là phương pháp dự án, trong đó HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn với thực tiễn, kết hợp lí thuyết với thực hành.

Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao, từ việc lập kế hoạch đến việc thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện dự án. Hình thức làm việc chủ yếu là theo nhóm. Kết quả dự án là những sản phẩm hành động có thể giới thiệu được.
- * Quy trình thực hiện:
 - *Bước 1: Lập kế hoạch.*
 - + Lựa chọn chủ đề.
 - + Xây dựng tiểu chủ đề.
 - + Lập kế hoạch các nhiệm vụ học tập.
 - *Bước 2: Thực hiện dự án.*

- + Thu thập thông tin.
- + Thực hiện điều tra.
- + Thảo luận với các thành viên khác.
- + Tham vấn giáo viên hướng dẫn.
- Bước 3: Tổng hợp kết quả.
- + Tổng hợp các kết quả.
- + Xây dựng sản phẩm.
- + Trình bày kết quả.
- + Phản ánh lại quá trình học tập.
- * Tác dụng:

Giáo dục cho HS kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin, kĩ năng hợp tác, kĩ năng tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, kĩ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng.

6) Kĩ thuật đặt câu hỏi:

- Các yêu cầu khi đặt câu hỏi:
- + Câu hỏi phải cụ thể, ngắn gọn.
- + Câu hỏi phải rõ ý muốn hỏi.
- + Câu hỏi phải mang tính khách quan, không áp đặt.
- + Câu hỏi phải phù hợp với chủ đề.
- + Câu hỏi phải phù hợp với đặc điểm và trình độ HS.
- + Câu hỏi phải phù hợp với quỹ thời gian, với hoàn cảnh, với văn hoá địa phương.
- + Câu hỏi phải kích thích HS suy nghĩ, tư duy.
- + Câu hỏi phải tạo được hứng thú cho HS.
- + Không hỏi nhiều câu hỏi trong cùng một thời gian.
- + Các câu hỏi phải được sắp xếp một cách hợp lí, lôgic.
- Các yêu cầu về ứng xử của GV khi hỏi HS:
- + Dừng lại sau khi hỏi để HS có thời gian suy nghĩ. Có thể nhắc lại câu hỏi nếu HS yêu cầu.
- + Phân phối câu hỏi cho cả lớp, không nên chỉ tập trung vào một số HS.
- + Tôn trọng, lắng nghe ý kiến HS, khen ngợi, động viên khi HS trả lời tốt.
- + Khuyến khích, gợi ý, tạo cơ hội cho HS trả lời lại khi các em không trả lời được câu hỏi.
- + Không chê bai, làm tổn thương HS.

- + Tập trung vào trọng tâm, không đi lan man.
- + Tránh nhắc lại câu trả lời của HS cũng như tự trả lời câu hỏi mình đặt ra.
- Tác dụng: Kỹ thuật đặt câu hỏi giúp HS rèn luyện được nhiều KNS như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng tư duy phê phán...

7) Kỹ thuật “Khăn trải bàn”:

- Kỹ thuật “Khăn trải bàn” là một kỹ thuật dạy học thể hiện quan điểm/chiến lược học hợp tác, trong đó có kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm.
- Cách tiến hành:
 - + HS được chia thành các nhóm nhỏ (nên từ 4 đến 6 người). Mỗi nhóm sẽ có một tờ giấy A₀ đặt trên bàn, như là một chiếc khăn trải bàn.
 - + Chia giấy A₀ thành phần chính giữa và phần xung quanh, tiếp tục chia phần xung quanh thành các phần tương ứng với số thành viên của nhóm (Ví dụ: chia phần xung quanh thành 4 phần nếu nhóm có 4 thành viên).
 - + Mỗi thành viên sẽ suy nghĩ và viết các ý tưởng của mình (về một vấn đề nào đó mà GV yêu cầu) vào phần cạnh “khăn trải bàn” trước mặt mình.
 - + Thảo luận nhóm, tìm ra những ý tưởng chung và viết vào phần chính giữa “khăn trải bàn”.
- Kỹ thuật khăn trải bàn có tác dụng rèn luyện cho HS các KNS như: kỹ năng tư duy phê phán, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp.

8) Kỹ thuật mảnh ghép:

- Kỹ thuật “Mảnh ghép” là một kỹ thuật dạy học thể hiện quan điểm/chiến lược học hợp tác, trong đó có kết hợp giữa hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm và liên kết giữa các nhóm.
- Cách tiến hành:

Giai đoạn 1: “Nhóm chuyên sâu”.

- + HS được chia thành các nhóm (khoảng từ 3 đến 6 em). Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ tìm hiểu/nghiên cứu sâu về một phần nội dung học tập khác nhau.
- + Các nhóm nghiên cứu, thảo luận đảm bảo cho mỗi thành viên trong nhóm đều nắm vững và có khả năng trình bày lại được các nội dung đã nghiên cứu

Giai đoạn 2: “Nhóm mảnh ghép”.

- + Mỗi HS từ các “nhóm chuyên sâu” khác nhau hợp lại thành các nhóm mới, gọi là “nhóm mảnh ghép”.
- + Từng HS sẽ lần lượt trình bày lại cho các bạn trong nhóm mới nghe về nội dung mình đã được nghiên cứu, tìm hiểu từ nhóm chuyên sâu.
- + Nhiệm vụ mới được giao cho các “nhóm mảnh ghép”. Nhiệm vụ này mang tính khái quát, tổng hợp toàn bộ nội dung đã được tìm hiểu từ “nhóm chuyên sâu”.
- Tác dụng: Rèn luyện cho HS các KNS như: kĩ năng tự tin, kĩ năng trình bày, diễn đạt, kĩ năng hợp tác, kĩ năng đảm nhận trách nhiệm.

9) Kỹ thuật KWL:

- KWL là kĩ thuật dạy học liên hệ giữa các kiến thức HS đã biết liên quan đến bài học (Know), các kiến thức HS muốn biết (Want) và các kiến thức học được sau bài học (Learned).
- Cách tiến hành:
 - + GV giới thiệu bài học và mục tiêu cần đạt của bài học.
 - + Phát phiếu học tập “KWL” cho HS.

Phiếu học tập

Tên bài học / chủ đề:.....

Tên HS/nhóm HS:..... Lớp:.....

K (Những điều đã biết)	W (Những điều muốn biết)	L (Những điều đã học được sau bài học)
– – –		

- + Hướng dẫn HS cách điền các thông tin vào phiếu học tập theo các cột.
- + Yêu cầu HS ghi các kiến thức, kĩ năng các em đã biết có liên quan đến bài học vào cột K trên phiếu.
- + Tiếp tục yêu cầu HS ghi các kiến thức, kĩ năng mà các em còn muốn biết, muốn được học để đạt được mục tiêu bài học.
- + Sau khi học xong bài/ chủ đề, yêu cầu HS ghi những điều các em đã học được vào cột L và đối chiếu với những điều các em đã biết và muốn biết ở hai cột trước.

- Tác dụng: rèn luyện cho HS kĩ năng tự nhận thức, kĩ năng tư duy phê phán, kĩ năng xử lí thông tin, kĩ năng hợp tác.

10) Kĩ thuật sơ đồ tư duy:

- Sơ đồ tư duy là một công cụ tổ chức tư duy. Đây là cách dễ nhất để chuyển tải thông tin vào bộ não rồi đưa thông tin ra ngoài bộ não; là một phương tiện ghi chép sáng tạo và rất hiệu quả nhằm “sắp xếp” ý nghĩ.
- Cách lập sơ đồ tư duy:
 - + Ở vị trí trung tâm sơ đồ là một hình ảnh hay một cụm từ thể hiện một ý tưởng/khái niệm/nội dung chính/chủ đề.
 - + Từ ý tưởng/hình ảnh trung tâm sẽ được phát triển bằng các nhánh chính nối với các cụm từ/hình ảnh cấp 1 (hoặc trên mỗi nhánh sẽ là một cụm từ/hình ảnh cấp 1).
 - + Từ các nhánh/cụm từ/hình ảnh cấp 1 lại được phát triển thành các nhánh phụ dẫn đến các cụm từ hay hình ảnh cấp 2.
 - + Cứ như thế sự phân nhánh được tiếp tục và các ý tưởng/khái niệm/nội dung/chủ đề liên quan được kết nối với nhau. Chính sự liên kết này sẽ tạo ra một bức tranh tổng thể mô tả các ý tưởng/nội dung/chủ đề... một cách đầy đủ, rõ ràng và dễ nhớ.
- Tác dụng: Giúp HS biết hệ thống hoá kiến thức, tìm ra mối liên hệ giữa các kiến thức; phát triển kĩ năng tư duy logic, tư duy phê phán cho HS.

11) Kĩ thuật hỏi và trả lời:

- Kĩ thuật hỏi và trả lời nhằm giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học thông qua việc đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi.
- Cách tiến hành:
 - + Trước hết GV giới thiệu chủ đề sẽ thực hiện kĩ thuật hỏi và trả lời.
 - + GV (hoặc một HS) sẽ bắt đầu đặt một câu hỏi về chủ đề và yêu cầu một HS khác trả lời câu hỏi đó.
 - + HS vừa trả lời xong câu hỏi đầu tiên lại được đặt một câu hỏi tiếp theo và yêu cầu một HS khác trả lời.
 - + HS này sẽ tiếp tục quá trình trả lời và đặt câu hỏi cho các bạn cùng lớp...
- Cứ như vậy cho đến khi GV quyết định dừng hoạt động này lại.
- Tác dụng: Rèn luyện kĩ năng đặt câu hỏi; kĩ năng trình bày, diễn đạt; kĩ năng lắng nghe tích cực; kĩ năng giao tiếp; kĩ năng tự tin; kĩ năng tư duy sáng tạo cho HS.

12) Kỹ thuật trình bày 1 phút:

- Đây là kỹ thuật tạo cơ hội cho HS tổng kết lại kiến thức đã học và đặt những câu hỏi về những điều còn băn khoăn, thắc mắc bằng các bài trình bày ngắn gọn và cô đọng với các bạn cùng lớp. Các câu hỏi cũng như các câu trả lời HS đưa ra sẽ giúp củng cố quá trình học tập của các em và cho GV thấy được các em đã hiểu vấn đề như thế nào.
- Kỹ thuật này có thể tiến hành như sau:
 - + Cuối tiết học (thậm chí giữa tiết học), GV yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời các câu hỏi sau: Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo các em, vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp? Những băn khoăn, thắc mắc các em muốn hỏi thầy, hỏi bạn?...
 - + HS suy nghĩ và viết ra giấy, các em có thể diễn đạt dưới nhiều hình thức khác nhau.
 - + Mỗi HS trình bày trước lớp trong thời gian tối đa là 1 phút về những điều các em đã tiếp thu được và những câu hỏi các em muốn được giải đáp hay những vấn đề các em muốn được tiếp tục tìm hiểu thêm.
- Tác dụng: Rèn kỹ năng tự tin, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng kiểm soát cảm xúc... cho HS.

13) Kỹ thuật hoàn tất một nhiệm vụ:

- Cách tiến hành:
 - + GV đưa ra một câu chuyện/ một vấn đề/ một bức tranh/ một thông điệp/... mới chỉ được giải quyết một phần và yêu cầu HS/ nhóm HS hoàn tất nốt phần còn lại.
 - + HS/ nhóm HS thực hiện nhiệm vụ được giao.
 - + HS/ nhóm HS trình bày sản phẩm.
 - + GV hướng dẫn cả lớp cùng bình luận, đánh giá.
- Tác dụng: Rèn cho HS kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng; kỹ năng đảm nhận trách nhiệm, kỹ năng quản lý thời gian; kỹ năng hợp tác.

14) Kỹ thuật động não:

- Động não là kỹ thuật giúp cho HS trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề nào đó. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra "con lốc" các ý tưởng).

- Động não thường được:
 - + Dùng trong giai đoạn giới thiệu vào một chủ đề.
 - + Sử dụng để tìm các phương án giải quyết vấn đề.
 - + Dùng để thu thập các khả năng lựa chọn và suy nghĩ khác nhau.
- Cách tiến hành:
 - + GV nêu câu hỏi hoặc vấn đề (có nhiều cách trả lời) cần được tìm hiểu trước cả lớp hoặc trước nhóm.
 - + Khuyến khích HS phát biểu và đóng góp ý kiến càng nhiều càng tốt.
 - + Liệt kê tất cả mọi ý kiến lên bảng hoặc giấy to không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp.
 - + Phân loại các ý kiến.
 - + Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng.
 - + Tổng hợp ý kiến của HS và rút ra kết luận.
- Tác dụng: Rèn cho HS kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng tự tin, khả năng phản ứng nhanh.

4. ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 2

1) Bạn hãy điền các thông tin phù hợp về bản chất/biểu hiện và ý nghĩa của một số KNS cơ bản vào bảng dưới đây:

Tên kỹ năng sống	Bản chất/Biểu hiện	Ý nghĩa
1. Kỹ năng tự nhận thức		
2. Kỹ năng xác định giá trị		
3. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc		
4. Kỹ năng ứng phó với căng thẳng		
5. Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ		
6. Kỹ năng thể hiện sự tự tin		
7. Kỹ năng giao tiếp		
8. Kỹ năng lắng nghe tích cực		
9. Kỹ năng thể hiện sự cảm thông		
10. Kỹ năng thương lượng		
11. Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn		
12. Kỹ năng hợp tác		

Tên kĩ năng sống	Bản chất/Biểu hiện	Ý nghĩa
13. Kĩ năng tư duy phê phán		
14. Kĩ năng tư duy sáng tạo		
15. Kĩ năng ra quyết định		
16. Kĩ năng giải quyết vấn đề		
17. Kĩ năng kiên định		
18. Kĩ năng đảm nhận trách nhiệm		
19. Kĩ năng đặt mục tiêu		
20. Kĩ năng quản lí thời gian		
21. Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin		

2) Bạn hãy tóm tắt cách tiến hành và khả năng rèn luyện các KNS cho HS của mỗi PPDH và KTDH cụ thể vào bảng dưới đây cho phù hợp.

Tên PPDH/KTDH	Cách tiến hành	KNS được rèn luyện cho HS
Phương pháp vấn đáp		
Phương pháp trò chơi		
Phương pháp giải quyết vấn đề		
.....		
Kĩ thuật động não		
Kĩ thuật đặt câu hỏi		
...		

Nội dung 3

NỘI DUNG VÀ ĐỊA CHỈ GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG QUA MỘT SỐ MÔN HỌC CỤ THỂ

1. THÔNG TIN NGUỒN CHO NỘI DUNG 3

Độc phần thứ hai – Một số vấn đề chung về kĩ năng sống và giáo dục kĩ năng sống của học sinh trong nhà trường phổ thông. Tài liệu Giáo dục KNS trong các môn học ở tiểu học, lớp 1/lớp 2/lớp 3/lớp 4/lớp 5, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.

2. CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu nội dung và địa chỉ giáo dục KNS qua môn Tiếng Việt.

- Đọc phần môn Tiếng Việt trong thông tin nguồn.
- Trả lời các câu hỏi sau:
 - 1) Theo bạn, môn Tiếng Việt có khả năng giáo dục các KNS nào cho HS?
 - 2) Các KNS đó được giáo dục cho HS lớp mấy? Ở các phần môn nào của môn Tiếng Việt? Bằng cách nào?
 - 3) Hãy lấy ví dụ về giáo dục KNS qua một bài soạn Tiếng Việt cụ thể.

Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung và địa chỉ giáo dục KNS qua môn Đạo đức.

- Đọc phần môn Đạo đức trong thông tin nguồn.
- Trả lời các câu hỏi sau:
 - 1) Theo bạn, môn Đạo đức có khả năng giáo dục các KNS nào cho HS?
 - 2) Các KNS đó được giáo dục cho HS lớp mấy? Bằng cách nào?
 - 3) Hãy nghiên cứu tiến trình dạy một tiết Đạo đức cụ thể cho HS lớp 3 dưới đây và cho biết HS đã được giáo dục những KNS nào? Lúc nào?

Bài 13. TIẾT KIỆM VÀ BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS có khả năng:

- Biết cần phải sử dụng tiết kiệm nước và bảo vệ nguồn nước.

- Nêu được cách sử dụng tiết kiệm nước và bảo vệ nguồn nước khỏi bị ô nhiễm.
- Thực hành tiết kiệm nước và bảo vệ nguồn nước ở gia đình, nhà trường và địa phương.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh minh hoạ dành cho hoạt động 2, tiết 1.
- Các băng giấy ghi nội dung để HS bày tỏ ý kiến.
- Phiếu hoạt động cho hoạt động 2, tiết 2.
- Bảng giấy A₀ kẻ ô theo mẫu phục vụ trò chơi ở tiết 2.
- Các thẻ màu dùng cho hoạt động bày tỏ ý kiến.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

*** Khởi động:** Cả lớp hát (hoặc nghe băng) bài hát *Ai trồng cây*, nhạc Văn Tiến, thơ Bé Kiến Quốc.

*** Hoạt động 1:** *Tìm hiểu về vai trò của nước đối với cuộc sống con người.*

a) Mục tiêu: HS bước đầu biết được sự cần thiết của nước trong cuộc sống hằng ngày.

b) Cách tiến hành:

- GV yêu cầu: Mỗi em hãy suy nghĩ nhanh và nêu một nhu cầu về sử dụng nước của bản thân, hoặc gia đình mình trong cuộc sống.
- HS nêu các nhu cầu về sử dụng nước. GV ghi các ý kiến của HS lên bảng.
- GV phân tích các ý kiến của HS, khuyến khích HS tự rút ra kết luận về sự cần thiết của nước trong cuộc sống.

c) Kết luận: Nước là một nhu cầu cần thiết trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta.

*** Hoạt động 2:** *Quan sát tranh, ảnh về vai trò của nước.*

a) Mục tiêu: HS hiểu được nước là nhu cầu không thể thiếu được trong cuộc sống.

b) Cách tiến hành:

- GV treo các tranh, ảnh lên bảng, hướng dẫn HS quan sát và trả lời các câu hỏi:
- + Mô tả nội dung các bức tranh, ảnh.

- + Nội dung các bức tranh, ảnh nói lên vai trò quan trọng của nước đối với cuộc sống như thế nào?

Tranh 1: Hình ảnh nhân dân vùng dân tộc đang sử dụng nước sạch trong bể để tắm giặt, sinh hoạt.

Tranh 2: Hình ảnh xe ô tô phun nước tưới cây và hoa trong thành phố.

Tranh 3: Hình ảnh cánh đồng, mạ non đang lên xanh mơn mơn do được cấp nước đầy đủ.

Tranh 4: Hình ảnh cánh đồng khô cằn, ruộng nứt nẻ, lúa héo vàng.

- HS quan sát tranh.
- GV mời một số em đứng tại chỗ trình bày; khuyến khích các em khác bổ sung.

c) Kết luận: Nước là nhu cầu thiết yếu, không thể thiếu được đối với cuộc sống của sinh vật nói chung và con người nói riêng.

** Hoạt động 3: Bày tỏ thái độ.*

a) Mục tiêu: HS bước đầu biết nhận xét, đánh giá hành vi trong việc sử dụng nước và bảo vệ nguồn nước.

b) Cách tiến hành:

- GV lần lượt đính các băng giấy ghi nội dung lên bảng và hướng dẫn HS cách bày tỏ ý kiến bằng các thẻ màu xanh, đỏ, vàng.

Nội dung các hành vi:

- + Đổ rác thải ra bờ hồ, ao.
- + Tắm cho trâu, bò gần giếng nước ăn.
- + Vứt vỏ chai, lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật vào thùng rác riêng.
- + Không vứt rác, đổ phế thải xuống ao, hồ, sông, biển.
- + Để vòi nước chảy tràn bể mà không khoá lại.
- + Bỏ rác, đổ phế thải vào nơi quy định.
- HS giơ thẻ bày tỏ thái độ đối với từng ý kiến. Sau mỗi lần giơ thẻ, GV trao đổi với HS:
 - + Tại sao em đồng tình (không đồng tình, lưỡng lự) với ý kiến đó?
 - + Em có thể làm gì khi chứng kiến các hành động đó?
- + GV kết luận từng ý kiến và cho HS dán lôgô biểu tượng đồng ý vào các ý kiến, hành động đúng.

c) Kết luận:

- GV kết luận về tính đúng/sai của các hành vi, việc làm trên đối với môi trường, sau đó chốt lại:

Nước sạch và nguồn nước là các tài nguyên quý giá, là nhu cầu không thể thiếu được đối với cuộc sống. Chúng ta cần sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; giữ gìn và bảo vệ nguồn nước luôn sạch sẽ, không bị ô nhiễm.

- * Hoạt động tiếp nối: Giáo viên hướng dẫn học sinh về nhà thực hiện các nhiệm vụ.
- Tìm hiểu thực tế sử dụng và bảo vệ nước tại gia đình, địa phương xung quanh nơi cư trú (viết, chụp ảnh, ghi hình, thu thập thông tin, tư liệu...) và viết báo cáo để tiết sau trình bày trước lớp.

TIẾT 2

- * Khởi động: Cả lớp hát bài hát về môi trường, hoặc hát bài *Em yêu trường em*, nhạc và lời của Hoàng Vân.

* *Hoạt động 1: Thảo luận nhóm – báo cáo thực tế sử dụng và bảo vệ nước tại gia đình, địa phương xung quanh nơi cư trú.*

a) *Mục tiêu:* HS bước đầu biết quan tâm tới các vấn đề có liên quan tới sử dụng và bảo vệ nước ở gia đình và nơi công cộng. Rèn kĩ năng trình bày trước tập thể.

b) *Cách tiến hành:*

- GV chia nhóm theo khu vực cư trú. Hướng dẫn các nhóm hoạt động:
- + HS trong nhóm trưng bày sản phẩm (nếu có), chia sẻ với nhau về thực tế sử dụng và bảo vệ nước tại gia đình, địa phương xung quanh nơi cư trú.
- + Thống nhất các vấn đề trọng tâm nhất về sử dụng và bảo vệ nước tại địa phương.
- + Lựa chọn các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ nguồn nước tốt nhất.
- Các nhóm thảo luận, chia sẻ, phân công người trình bày.
- GV mời các nhóm trình bày phần trưng bày và kết quả thảo luận của nhóm.
- Hướng dẫn các nhóm nhận xét về kết quả hoạt động của nhóm bạn.

c) *Kết luận:*

GV nhận xét chung phần trưng bày và trình bày của các nhóm, khen và động viên các nhóm làm tốt, chốt lại các biện pháp sử dụng và bảo vệ

nguồn nước hay, có hiệu quả.

** Hoạt động 2: Thảo luận nhóm.*

a) Mục tiêu: HS bước đầu biết nhận xét, phân tích và đưa ra quyết định của bản thân.

b) Cách tiến hành:

- GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (từ 4 đến 6 em), phát phiếu hoạt động và hướng dẫn các nhóm hoạt động:
- + Các nhóm trao đổi, đánh giá sự đúng, sai của các ý kiến.
- + Giải thích sự đánh giá của nhóm.
- * Nội dung các ý kiến:
 1. Nước sạch không bao giờ cạn, do vậy sử dụng không cần tiết kiệm.
 2. Nước giếng khơi, giếng khoan không phải trả tiền, nên sử dụng không cần tiết kiệm.
 3. Gây ô nhiễm nguồn nước là phá hoại môi trường.
 4. Sử dụng nước bị ô nhiễm sẽ có hại cho sức khỏe.
 5. Nguồn nước cần phải được bảo vệ và giữ gìn cho cuộc sống hôm nay và mai sau.
 6. Nước thải của các nhà máy, cơ sở sản xuất và bệnh viện cần được xử lý độc hại trước khi đưa vào môi trường.
- Các nhóm thảo luận.
- Đại diện các nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

c) Kết luận:

- GV hướng dẫn HS hệ thống lại về nội dung các ý kiến, sau đó GV kết luận:
- + Nội dung 1, 2: Sai, vì nguồn nước ngầm là hữu hạn.
- + Nội dung 3: Đúng, vì nước bị ô nhiễm sẽ ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của sinh vật.
- + Nội dung 4: Đúng, vì nước ô nhiễm là nguồn gây bệnh, sử dụng nước bị ô nhiễm sẽ gây nhiều bệnh tật cho con người.
- + Nội dung 5: Đúng, vì nước sạch có hạn do vậy cần giữ gìn, bảo vệ nguồn nước cho cuộc sống hôm nay và mai sau.
- + Nội dung 6: Đúng. Vì nước thải của các nhà máy, cơ sở sản xuất và bệnh viện là nước có nhiều độc tố, nếu không xử lý khử độc hại trước khi xả vào môi trường thì sẽ gây ô nhiễm cho môi trường.

** Hoạt động 3: Tổ chức trò chơi “sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả” (hoặc trò chơi “tiết kiệm nước” nếu có điều kiện).*

a) Mục tiêu: Củng cố, nâng cao hiểu biết của HS về tầm quan trọng của nước trong cuộc sống.

b) Cách tiến hành:

- * Trò chơi “Sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả”:
- GV chọn ra 10 HS (cả nam và nữ) và chia thành hai đội, chọn một HS làm quản trò, số HS còn lại làm cổ động viên.
- Đính lên bảng 02 tờ giấy A₀ (Hoặc kẻ trên bảng) theo mẫu:

Cách sử dụng tiết kiệm nước	Cách bảo vệ nguồn nước

- GV hướng dẫn cách chơi và luật chơi:
- + Hai đội cử người thay nhau chạy lên điền vào bảng của mình (kiểu tiếp sức) các nội dung theo yêu cầu.
- + Trong thời gian 5 phút đội nào ghi được nhiều cách đội ấy thắng cuộc.
- Quản trò điều khiển cuộc chơi.
- Quản trò tuyên bố đội thắng cuộc.

c) GV kết luận và đánh giá cuộc chơi, nêu ba cách tiết kiệm nước, bảo vệ nguồn nước tốt nhất.

- * Trò chơi “Tiết kiệm nước”.

Chuẩn bị:

- Địa điểm: ngoài sân trường.
- Chuẩn bị dụng cụ: 2 xô nhỏ đựng nước giống nhau, 2 thùng đựng nước giống nhau.
- 2 vòng đệm đội trên đầu.
- Vạch xuất phát, đích.

Cách chơi:

- Thành lập hai đội, mỗi đội từ 5 đến 6 em, số còn lại là cổ động viên.

- Thời gian chơi: 5 – 7 phút.
- Hai đội xếp hàng dọc trước vạch xuất phát. Khi có lệnh xuất phát, em đứng đầu đội xô đựng đầy nước trên đầu đi nhanh về đích và đổ nước vào thùng, sau đó nhanh chóng chạy về đích chuyển cho bạn tiếp theo cho đến khi hết thời gian.
- Đội nào đổ được nhiều nước vào thùng, ít đổ nước trên đường đi hơn sẽ là đội thắng cuộc.

Kết luận chung: Nước là nguồn tài sản vô cùng quý giá đối với cuộc sống của sinh vật nói chung, con người nói riêng. Nguồn nước sử dụng có hạn, chúng ta cần phải sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ nguồn nước không bị ô nhiễm.

Hoạt động 3: Tìm hiểu nội dung và địa chỉ giáo dục KNS qua môn Tự nhiên – Xã hội.

- Đọc phần môn Tự nhiên – Xã hội trong thông tin nguồn.
- Trả lời các câu hỏi sau:
 - 1) Theo bạn, môn Tự nhiên – Xã hội có khả năng giáo dục các KNS nào cho HS?
 - 2) Các KNS đó được giáo dục cho HS lớp mấy? Ở các chủ đề nào của môn Tự nhiên – Xã hội? Bằng cách nào?
 - 3) Hãy lấy ví dụ về giáo dục KNS qua một bài soạn Tự nhiên – Xã hội cụ thể.

Hoạt động 4: Tìm hiểu nội dung và địa chỉ giáo dục KNS qua môn khoa học.

- Đọc phần môn Khoa học trong thông tin nguồn.
- Trả lời các câu hỏi sau:
 - 1) Theo bạn, môn Khoa học có khả năng giáo dục các KNS nào cho HS?
 - 2) Các KNS đó được giáo dục cho HS lớp mấy? Ở các phần nào của môn Khoa học? Bằng cách nào?
 - 3) Hãy nghiên cứu tiến trình dạy một tiết khoa học cụ thể cho HS lớp 4 dưới đây và cho biết HS đã được giáo dục những KNS nào? Ở thời điểm nào? Bằng PPDH, KTDH nào?

Bài 13. PHÒNG BỆNH BÉO PHÌ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS có khả năng:

- Xác định được 3 dấu hiệu của trẻ bị béo phì và 3 điều bất lợi đối với người bị bệnh béo phì.
- Trình bày được nguyên nhân và cách phòng bệnh béo phì.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Thông tin trong SGK *Khoa học 4* (Bài 13).
- Phiếu bài tập đủ dùng cho các nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Tìm hiểu về bệnh béo phì.

Mục tiêu: Xác định được 3 dấu hiệu của trẻ bị béo phì và 3 điều bất lợi đối với người bị bệnh béo phì.

Cách tiến hành:

- GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, yêu cầu các em trao đổi và vẽ trẻ em bị bệnh béo phì.
- Các nhóm trưng bày sản phẩm. Yêu cầu đại diện của một nhóm mô tả đặc điểm của trẻ bị béo phì được thể hiện trong hình vẽ; các HS khác bổ sung.
- GV tóm tắt ý kiến của HS và nêu 3 dấu hiệu của trẻ bị béo phì:
 - + Có cân nặng hơn mức trung bình so với chiều cao và tuổi là 20%.
 - + Có những lớp mỡ quanh đùi, cánh tay trên, vú và cằm.
 - + Bị hụt hơi khi gắng sức.
- Tiếp theo GV yêu cầu các em liệt kê những bất lợi đối với người bị béo phì.
- GV *kết luận*: 3 điểm bất lợi đối với người bị béo phì:
 - + Mất thoải mái trong cuộc sống.
 - + Giảm hiệu suất lao động và sự lanh lợi trong sinh hoạt.
 - + Có nguy cơ bị bệnh tim mạch, huyết áp cao, bệnh tiểu đường, sỏi mật.

Hoạt động 2. Tìm hiểu nguyên nhân và cách phòng bệnh béo phì.

Mục tiêu: HS trình bày được nguyên nhân và cách phòng bệnh béo phì.

Cách tiến hành:

- GV yêu cầu 2 HS ngồi cạnh nhau tạo thành một cặp, cùng quan sát các

hình ở trang 28, 29 SGK *Khoa học 4* và có thể đọc thông tin trong sách để đặt câu hỏi và trả lời nhau theo gợi ý sau:

- + Nguyên nhân gây nên béo phì là gì?
- + Làm thế nào để phòng tránh béo phì?
- + Cần phải làm gì khi em bé hoặc bản thân bạn bị béo phì hay có nguy cơ bị béo phì?
- GV yêu cầu HS trình bày kết quả trao đổi theo cặp trước lớp.
- Sau các ý kiến phát biểu của HS, GV có thể giảng thêm:
- + Hầu hết các nguyên nhân gây béo phì ở trẻ em là do những thói quen không tốt về mặt ăn uống, chủ yếu là do bố mẹ cho ăn quá nhiều, ít vận động.
- + Khi đã bị béo phì, cần:
 - * Giảm ăn vặt, giảm lượng cơm, tăng thức ăn ít năng lượng (ví dụ các loại rau quả). Ăn đủ đạm, vi-ta-min và chất khoáng.
 - * Đi khám bác sĩ càng sớm càng tốt để tìm đúng nguyên nhân gây béo phì để điều trị hoặc nhận được lời khuyên về chế độ dinh dưỡng lành mạnh.
 - * Khuyến khích em bé hoặc bản thân mình phải năng vận động, luyện tập thể dục, thể thao.

Hoạt động 3. Đóng vai.

Mục tiêu:

- Nói với những người trong gia đình hoặc người khác nguyên nhân và cách phòng bệnh do ăn thừa chất dinh dưỡng.
- Ứng xử đúng đối với bạn hoặc người khác bị béo phì.
- Thay đổi thói quen ăn uống để phòng tránh bệnh béo phì.
- Thực hiện chế độ ăn uống, hoạt động thể lực phù hợp lứa tuổi.

Cách tiến hành:

- GV chia lớp thành 6 nhóm nhỏ. Giao cho 2 nhóm cùng làm thảo luận về một tình huống đưa ra trong phiếu bài tập (xem phụ lục).
- + Nhóm 1 và nhóm 2: Phiếu bài tập 1.
- + Nhóm 3 và nhóm 4: Phiếu bài tập 2.
- + Nhóm 5 và nhóm 6: Phiếu bài tập 3.
- HS đọc tình huống được giao và đặt mình vào vị trí các nhân vật trong tình huống, thảo luận về cách ứng xử cho phù hợp và xung phong đóng vai.
- GV theo dõi và hỗ trợ các nhóm làm việc.

- 3 nhóm lần lượt lên đóng vai theo 3 tình huống. Các nhóm khác theo dõi, bình luận về cách ứng xử của nhân vật nêu trong tình huống và có thể nêu lên cách ứng xử khác.
- GV tổng kết cả về nội dung kiến thức và những kĩ năng, thái độ được hình thành trong quá trình HS đóng vai và thảo luận.

Hoạt động 4. Vận dụng.

Kết thúc tiết học, GV dặn HS phòng bệnh béo phì và thực hiện hằng ngày:

- Ăn uống hợp lí, rèn luyện thói quen ăn uống điều độ, ăn chậm, nhai kĩ.
- Năng vận động cơ thể, đi bộ và luyện tập thể dục thể thao.

VI. TƯ LIỆU

PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1

Tên nhóm:.....

1. Tổ chức

Hoàn thành bảng phân công nhiệm vụ:

Nhiệm vụ	Tên
1. Điều hành nhóm.	
2. Nhắc nhở thời gian và điền bảng phân công nhiệm vụ.	
3. Hậu cần: kiểm tra lại các đồ dùng, tài liệu cần thiết để nhóm làm bài tập.	
4. Điền vào bảng đánh giá làm việc nhóm.	

2. Làm việc nhóm

Hãy đọc và thảo luận:

Tình huống 1: Em của bạn Lan có nhiều dấu hiệu bị béo phì. Sau khi học xong bài này, nếu là Lan, bạn sẽ về nhà nói gì với mẹ và bạn có thể làm gì để giúp em mình?

Nhóm phân công ai đóng vai gì?

3. Đánh giá quá trình làm việc nhóm

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm			
		4	3	2	1
1	Thuyết phục người lớn cho trẻ em ăn uống phù hợp để phòng tránh bệnh béo phì. (Giao tiếp hiệu quả)				
2	Chọn, phân vai và triển khai công việc phù hợp với khả năng của từng người (Tự nhận thức và tinh thần trách nhiệm).				

Biểu điểm:

Rất tốt (4) *Tất cả mọi người tham gia/ thực hiện.*

Tốt (3) *Đa số mọi người tham gia/ thực hiện.*

Trung bình (2) *Một số người tham gia/ thực hiện.*

Cần cải tiến (1) *Không ai tham gia/ thực hiện.*

PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2

Tên nhóm:.....

1. Tổ chức

Hoàn thành bảng phân công nhiệm vụ:

Nhiệm vụ	Tên
1. Điều hành nhóm.	
2. Nhắc nhở thời gian và điền bảng phân công nhiệm vụ.	
3. Hậu cần: kiểm tra lại các đồ dùng, tài liệu cần thiết để nhóm làm bài tập.	
4. Điền vào bảng đánh giá làm việc nhóm.	

2. Làm việc nhóm

Hãy đọc và thảo luận:

Tình huống 2: Nga cân nặng hơn những người bạn cùng tuổi và cùng chiều cao khá nhiều. Nga đang muốn thay đổi thói quen ăn và uống đồ ngọt của mình. Tuy nhiên, Nga chơi thân với mấy bạn đều hay thích ăn bánh kẹo và uống nước ngọt. Các bạn thường thay nhau mang chúng đến trường và mời Nga cùng ăn trong giờ ra chơi. Nếu là Nga bạn sẽ làm gì?

Nhóm phân công ai đóng vai gì?

3. Đánh giá quá trình làm việc nhóm

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm			
		4	3	2	1
1	Sử dụng các lí lẽ để mời/ từ chối lời mời của bạn một cách hiệu quả (Giao tiếp hiệu quả).				
2	Chọn, phân vai và triển khai công việc phù hợp với khả năng của từng người (Tự nhận thức và tinh thần trách nhiệm).				

Biểu điểm:

Rất tốt (4)	<i>Tất cả mọi người tham gia / thực hiện.</i>
Tốt (3)	<i>Đa số mọi người tham gia / thực hiện.</i>
Trung bình (2)	<i>Một số người tham gia / thực hiện.</i>
Cần cải tiến (1)	<i>Không ai tham gia / thực hiện.</i>

PHIẾU BÀI TẬP SỐ 3

Tên nhóm:.....

1. Tổ chức

Hoàn thành bảng phân công nhiệm vụ:

Nhiệm vụ	Tên
1. Điều hành nhóm.	
2. Nhắc nhở thời gian và điền bảng phân công nhiệm vụ.	
3. Hậu cần: kiểm tra lại các đồ dùng, tài liệu cần thiết để nhóm làm bài tập.	
4. Điền vào bảng đánh giá làm việc nhóm.	

2. Làm việc nhóm

Hãy đọc và thảo luận:

Tình huống 3: Trên đường đi học về, Minh và Hằng gặp một nhóm HS lớp dưới đang trêu chọc một bạn bị béo phì. Nếu là Minh và Hằng các em sẽ làm gì?

Nhóm phân công ai đóng vai gì?

3. Đánh giá quá trình làm việc nhóm

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm			
		4	3	2	1
1	Sử dụng các lí lẽ để thuyết phục người khác thay đổi cách ứng xử với bạn có đặc điểm khác với mình (Giao tiếp hiệu quả).				
2	Chọn, phân vai và triển khai công việc phù hợp với khả năng của từng người (Tự nhận thức và tinh thần trách nhiệm).				

Biểu điểm:

Rất tốt (4)	<i>Tất cả mọi người tham gia/ thực hiện.</i>
Tốt (3)	<i>Đa số mọi người tham gia/ thực hiện.</i>
Trung bình (2)	<i>Một số người tham gia/ thực hiện.</i>
Cần cải tiến (1)	<i>Không ai tham gia/ thực hiện.</i>

3. PHẢN HỒI CHO CÁC HOẠT ĐỘNG

a. Phản hồi cho hoạt động 1

- Môn Tiếng Việt là một trong những môn học có khả năng giáo dục nhiều KNS cho HS. Ví dụ như: kĩ năng giao tiếp, trình bày suy nghĩ ý tưởng, tự nhận thức, xác định giá trị, thể hiện sự cảm thông, thể hiện sự tự tin, lắng nghe tích cực, hợp tác, tư duy sáng tạo, tư duy phê phán...
- Việc giáo dục KNS có thể thực hiện ở tất cả các phân môn của môn Tiếng Việt: Tập đọc, Kể chuyện, Luyện từ và câu, Tập làm văn, cho HS tất cả các khối lớp, từ lớp 1 đến lớp 5.

Việc giáo dục KNS trong môn Tiếng Việt được thực hiện thông qua việc khai thác nội dung giáo dục KNS đã có sẵn trong nội dung môn học và sử dụng các phương pháp và KTDH tích cực như: thảo luận nhóm, đóng vai, xử lí tình huống, trình bày một phút, động não, trải nghiệm...

b. Phản hồi cho hoạt động 2

- Cũng như môn Tiếng Việt, môn Đạo đức có tiềm năng rất lớn trong giáo dục KNS cho HS. Trong quá trình học môn Đạo đức, HS có thể được giáo dục nhiều KNS quan trọng. Ví dụ như: kĩ năng giao tiếp, trình bày suy nghĩ ý tưởng, tự nhận thức, xác định giá trị, thể hiện sự cảm thông, thể hiện sự tự tin, lắng nghe tích cực, hợp tác, tư duy sáng tạo, tư duy phê phán, tìm kiếm và xử lí thông tin, kiểm soát cảm xúc, đảm nhận trách nhiệm, thương lượng, đặt mục tiêu, kiên định, từ chối, tìm kiếm sự hỗ trợ...
- Việc giáo dục KNS có thể thực hiện ở tất cả các bài Đạo đức, cho HS tất cả các khối lớp, từ lớp 1 đến lớp 5, bởi bản thân nội dung môn Đạo đức đã bao hàm nội dung giáo dục KNS. Đồng thời, thông qua việc sử dụng các phương pháp và KTDH tích cực như: thảo luận nhóm, đóng vai, xử lí tình huống, trò chơi, dự án, trình bày một phút, động não, khăn trải bàn...

- Theo thiết kế bài đạo đức *Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước*, HS đã được giáo dục nhiều KNS như:
- + Kỹ năng tư duy sáng tạo (ở hoạt động 1 – tiết 1).
- + Kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng (ở hoạt động 2 – tiết 1, hoạt động 1 – tiết 2).
- + Kỹ năng tư duy phê phán (hoạt động 3 – tiết 1, hoạt động 2, hoạt động 3 – tiết 2).
- + Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin (thông qua hoạt động tiếp nối và hoạt động 1 – tiết 2).
- + Kỹ năng hợp tác (thông qua hoạt động 1, hoạt động 2, hoạt động 3 – tiết 2).

c. Phản hồi cho hoạt động 3

- Do đặc trưng của mình, Tự nhiên – Xã hội cũng là một môn học có khả năng giáo dục rất nhiều KNS cho HS, đặc biệt là các kỹ năng tự nhận thức, tự phục vụ, tự bảo vệ, tìm kiếm và xử lý thông tin; tư duy phê phán, ra quyết định, làm chủ bản thân; giao tiếp, kiên định, hợp tác.
- Việc giáo dục KNS cho HS được thực hiện ở rất nhiều bài từ lớp 1 đến lớp 3 trong tất cả các chủ đề của môn Tự nhiên – Xã hội thông qua các phương pháp và KTDH như: thảo luận nhóm, trò chơi, xử lý tình huống, đóng vai, đóng nã, viết tích cực...

d. Phản hồi cho hoạt động 4

- Cũng như các môn học trên, môn Khoa học có nhiều ưu thế trong giáo dục KNS cho HS, đặc biệt là các kỹ năng: tự nhận thức, tìm kiếm và xử lý thông tin, ra quyết định và giải quyết vấn đề, tư duy phê phán, hợp tác, giao tiếp và các kỹ năng làm chủ bản thân.
- Việc giáo dục KNS cho HS được thực hiện ở rất nhiều bài ở lớp 4 và lớp 5 trong tất cả các chủ đề của môn học thông qua các phương pháp và KTDH như: thảo luận nhóm, điều tra, đóng vai, hỏi và trả lời, hỏi chuyên gia, quan sát, làm thí nghiệm...
- Trong thiết kế bài *Phòng bệnh béo phì* ở trên, HS được giáo dục các KNS sau:
 - + Kỹ năng giao tiếp (thông qua đóng vai ở hoạt động 3).
 - + Kỹ năng ra quyết định thay đổi thói quen ăn uống để phòng tránh bệnh béo phì (thông qua đóng vai ở hoạt động 3).
 - + Kỹ năng kiên định thực hiện chế độ ăn uống, hoạt động thể lực phù hợp lứa tuổi (thông qua đóng vai ở hoạt động 3).

- + **Kĩ năng hợp tác** (thông qua thảo luận nhóm ở hoạt động 1, thảo luận cặp đôi ở hoạt động 2).

4. ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 3

- 1) Theo bạn, việc giáo dục KNS cho HS qua các môn học Tiếng Việt, Đạo đức, Tự nhiên – Xã hội và Khoa học có điểm gì chung? Có điểm gì khác biệt?
- 2) Ngoài 4 môn học trên, có thể giáo dục KNS cho HS qua các môn học khác ở tiểu học không? Vì sao?



D. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Vì sao cần phải giáo dục KNS cho HS tiểu học?
2. Hãy trình bày các nguyên tắc giáo dục KNS cho HS.
3. Theo bạn, cần phải giáo dục cho HS tiểu học những KNS nào?
4. Việc giáo dục KNS cho HS tiểu học qua các môn học được thực hiện theo cách tiếp cận nào? Cách tiếp cận đó mang lại lợi ích gì?
5. Bạn hãy lập sơ đồ tư duy để hệ thống hoá lại các kiến thức đã học trong module này.



E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học*, tài liệu dành cho GV lớp 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
2. *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học*, tài liệu dành cho GV lớp 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
3. *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học*, tài liệu dành cho GV lớp 3, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
4. *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học*, tài liệu dành cho GV lớp 4, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
5. *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học*, tài liệu dành cho GV lớp 5, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.

